

Mùa con én bay về

Khi mùa đông rét mướt qua đi, cây gạo đầu cái bản nhỏ bé trên đất Cao Bằng xa xôi của tôi, bắt đầu chúm chím những nụ hoa đỏ đầu tiên, cũng là lúc từng đàn chim én rủ nhau bay về. Trên cao xanh, những con én ríu rít gọi nhau, chao liệng, rồi sà xuống cánh tay gạo đầu thành hàng. Lúc này, người già trong bản lại chỉ tay về phía ấy, nói với bọn trẻ chúng tôi: “Nền thắng dǎ!” (Tết đến rồi!).

Chuyện ngày xưa

Để dọn lỏi, đón cái tết về nhà. Bao giờ người bản tôi cũng bảo nhau quét tước nhà cửa, đường làng; sửa sang lại ngôi miếu thổ công... Đám trai bản rủ nhau lên rừng, lựa cây mai cao nhất, thẳng nhất đem về dựng cột chơi trò ném còn ngày xuân. Các cô gái thì lấy những tấm vải chàm đã dệt trong năm đem phơi chuẩn bị khâu áo mới cho cả nhà. Còn bọn trẻ con chúng tôi lại được thể háo hức đục đẽo những con quay gỗ dành cho trận đấu lấy may sáng mừng một tết.

Bận rộn nhất vẫn là người già trong bản. Để có cái tết đủ đầy, họ phải chuẩn bị đủ thứ từ nhiều tháng. Nào là lợn, gà, gạo, đỗ... gói bánh chưng, làm bánh khảo, nấu chè lam và đặc biệt là cất rượu. Mỗi nhà tự cất lấy một mẻ rượu cho riêng mình. Để nấu được rượu ngon, người bản tôi, lựa những hạt gạo nếp nương trắng, mấy đem đồ chín rồi ủ với men lá. Đợi đến chiều ba mươi tết thì đem ra cất. Rượu cất xong, được đổ vào chum buộc kín, đem ngâm với nước lạnh đến khi nguội hẳn mới bung lên.

Nấu rượu xong, mọi người xoay ra mổ lợn. Cả bản mười nóc nhà thịt mười con. Lợn ở đây được nuôi theo kiểu thả rông nên thịt rất săn và ngọt. Người lớn thường khiêng lợn ra bờ sông để mổ, họ thì xem lợn nhà ai to béo hơn. Tiếng lợn kêu inh ỏi, tiếng người nó cười rôm rả, rộn cả chiều ba mươi tết. Lợn mổ xong được xẻ thành tảng, thành miếng treo lên gác bếp ăn dần. Đây cũng là lúc đám đàn bà con gái trong bản tất bật với việc mổ gà, gói bánh chưng, làm bánh khảo để kịp cúng gia tiên trong đêm giao thừa.

Khi ấy, những người đàn ông trong nhà bắt tay vào một công việc rất quan trọng. Đó là lau rửa bàn thờ và làm lễ “rùm ban” (xông bàn thờ tổ tiên). Ngày còn bé, bác tôi là người hướng dẫn tôi làm công việc quan trọng này. Đầu tiên, cần lau rửa thật kỹ bàn thờ, thay ống hương cũ, dán lại những tấm bùa... Sau đó cất hình ba con én dán dưới chân bàn thờ. Bác tôi thường bảo: “ Đây là hình chim én, nó sẽ đưa các cụ từ Phạ về ăn tết với con cháu. Nếu sau tết nhà nào chim én tìm về làm tổ, năm ấy sẽ có lộc to...”. Xong đâu đó, bác tôi bảo chuẩn bị một nồi nước đun sôi cùng lá bưởi và chọn một cây rựa thật sắc đem nung trong bếp lò. Rồi chờ đến giờ Ngọ.

Thời khắc quan trọng đã đến. Tôi có nhiệm vụ bê từng thứ bày lên bàn thờ: một con gà sống thối, hai chiếc bánh chưng, bốn phong bánh khảo, một miếng thịt lợn và ba bát rượu nếp. Bác tôi nhắc nhở cẩn thận, không được phép làm rơi vỡ bất kỳ thứ gì. Rồi ông ngồi xếp bằng nhìn tôi với ánh mắt nghiêm nghị. Bày biện xong, bác tôi mở rương gỗ lấy ra những bộ quần áo mới đưa cho từng người. Khi mọi người đã chỉnh tề trong bộ trang phục truyền thống. Bác tôi thắp tuần hương đầu tiên lên bàn thờ, ông khấn rầm rầm gì đó và nâng bát rượu ở giữa nhấp một ngụm, rồi lần lượt từng người cùng uống. Sau này ông bảo với tôi rằng: “ Đây là rượu lộc của tổ tiên ban tặng cho con cháu.”.

Chính Ngọ. Tôi bê chậu nước lá bưởi đã đun sôi đặt trước bàn thờ, cây rựa đỏ rực trong bếp được đem lên. Bác tôi thắp thêm một tuần

hương, gọi đám con cháu quý gần gần trước bàn thờ tổ tiên. Bác ra hiệu, tôi nhúng thành rửa đang đổ rục xuống chậu nước. Lập tức, một làn khói trắng ngát thơm hương lá bưởi bay khắp nhà. Làn khói tan. Gương mặt bác tôi trở nên phấn chấn. Ông cười thoải mái, nói to: “Bươn chiêng pí mầu, huôn hỉ nớ!” (tháng tết năm mới, chúc vui vẻ). Rồi cả nhà chúc tụng nhau, mở rượu, bóc bánh chưng, ném bánh khảo... Cùng chúc nhau những lời tốt đẹp.

Sáng mừng một. Khoảng sân trước bản đã chật kín người. Đám con gái e lệ trong bộ áo chàm, lũ con trai ngả nghiêng với câu si, điệu lượn... còn trẻ con lại hò reo với những ván quay đầu năm. Cây mai làm cột còn hôm nay trở thành nơi hẹn hò cho trai gái khắp trong bản ngoài làng.

Và Chuyện bây giờ

Bản tôi hôm nay đã đông hơn, rộng hơn nhiều. Nhà nhà có điện thấp sáng, nhiều người đã sắm được ti vi, mua được xe máy... Bản thay đổi nhiều rồi! Chỉ còn cây gạo đầu bản vẫn sừng sững thách thức với thời gian. Và hôm nay trên những cành gạo xù xì, khắng khiu sau mùa đông lạnh giá đã khê nở những nụ hồng đầu tiên. Ông bác tôi đã trên tám mươi tuổi, nhưng nom vẫn khoẻ và nhanh nhẹn. Ông cười sang sảng khi nghe tôi hỏi về chuyện đón tết, ông nói: “Bây giờ khác trước nhiều rồi. Nhưng người trong bản vẫn đón tết như ngày nào. Thậm chí đang hoàng hơn, rảnh rỗi hơn nữa kia. Nếp xưa vẫn giữ nguyên cháu à!”.

Bác tôi nói không sai. Bây giờ mọi thứ đều sẵn ngoài chợ. Song người bản tôi vẫn tự gói bánh chưng, làm bánh khảo, khâu áo mới... Chỉ còn lợn là không thịt nữa. Ngoài chợ sẵn nên họ mua. “Còn rượu thì sao ạ?” – tôi hỏi. Ông bác cười rồi chỉ tay vào góc nhà. Một mẻ rượu nếp đang được ủ thơm lừng. Bác tôi bảo: “Ra chợ cũng mua được rượu ngon, nhưng bác vẫn thích nấu hơn.”.

Ngày xưa để đón được một cái tết đủ đầy, người bản tôi phải chuẩn bị từ đầu năm: nuôi lợn, tría lúa, dệt vải... vất vả lắm. Bây giờ đời sống của dân bản được nâng lên, cái ăn, cái mặc đã tạm đủ. Đón tết không phải lo âu, vất vả nên nhàn cái chân, rỗi cái tay, và đang hoàng như ông bác tôi nói. Còn nữa, một số hủ tục lạc hậu, như: mở bàn đèn thuốc phiện, chơi bạc thâu đêm, đón thầy cúng về làm lễ, uống rượu say mềm... cũng không còn, nên cái tết đến càng vui.

Tôi theo ông bác dạo quanh bản. Mọi thứ đã đổi thay rất nhiều. Cái sân tung còn ngày nào giờ được láng xi măng cẩn thận; góc chơi quay của lũ trẻ ngày xưa nay được xây tường đá ngay ngắn. Bên cạnh còn xây thêm ngôi nhà khang trang. Bác tôi giải thích: “Đây là Nhà văn hoá của bản. Có việc gì hệ trọng người trong bản thường ra đây hội họp.”. Phía bên kia vài thôn nữ đang phơi vải chàm. Tôi gặp một cô gái có dáng người chắc khoẻ, cùng khuôn mặt tròn trịa. Cô có cái tên rất dễ thương: Triệu Mây. “Em phơi vải này để làm gì?” - tôi hỏi. Cô gái ngược đôi mắt đen nhánh nhìn tôi về lạ lẫm: “Anh hỏi cứ như người ở nơi khác thế! Vải này em phơi để khâu áo tết...”. “Ra chợ mua có phải nhàn hơn không?” – tôi trêu. Cô gái không thềm nhìn tôi, cô nói: “áo ở chợ đẹp đấy. Nhưng không thơm như áo em dệt đâu. Người Tày phải mặc áo Tày chứ...”. Vâng, người Tày phải mặc áo Tày – câu nói của em làm tôi nhớ lại vài cô gái người Tày hần hoi, vẫn còn nguyên giọng nói lơ lớ và ánh mắt dài dãi trên thị xã. Các cô gái ấy mặc quần bò, tóc nhuộm vàng, và chất lên mặt một lớp hoá chất khó nhìn. Một anh bạn nhà báo nói với tôi rằng, đó là hệ quả của cơ chế thị trường. Nghĩ thế có vẻ bi quan quá. Và thật may mắn cho cái bản nhỏ xíu của tôi, vẫn

còn những người như Mây – cô biết yêu quý chiếc áo chàm và luôn tự hào mình là người Tày. Phải, người bản tôi bao giờ chẳng thế!

Đến ngôi miếu thổ công đầu bản, tôi lại càng ngạc nhiên khi thấy ngôi miếu đã được xây cất cẩn thận, không còn tạm bợ như ngày tôi còn bé. Chỉ còn những lá bùa là giữ nguyên về huyền bí ngày nào. Bác tôi tự hào nói: “Ngôi miếu được người trong bản xây lại vào năm ngoái. Xây như thế vừa chắc chắn, vừa thể hiện được lòng tôn kính của con cháu với ông cha. Cháu cứ đi khắp vùng này mà xem. Bản nào có cái miếu thổ công to lớn, là minh chứng cho sự giàu có...”. Mãi đi, mãi trò chuyện, trời xế chiều lúc nào chẳng hay. Tôi chợt nhớ đến lễ “rùm ban” nên hỏi vội bác. Ông cười vỗ vai tôi: “Vẫn làm chứ! Còn làm kỹ hơn ngày xưa nữa kia. Đã là người Tày thì không bao giờ quên lễ “rùm ban” đâu cháu!”.

Trời về chiều. Những đám sương trắng không biết từ đâu cứ dần ra phủ kín các chân núi. Vài người đang rong trâu về chuồng. Tiếng gọi trẻ vắng vắng đâu đó. Khói bếp nhà ai quện cùng sương núi, lan toả. Tôi ngược nhìn cây gạo đầu bản, chợt nhận ra trên nền trời đang dần tối vài con én bay lượn và cất tiếng gọi bầy. Bác tôi lại chỉ tay về phía ấy, ông nói nhỏ: “Sắp tết rồi”.

(Văn nghệ Trẻ số 1/2004)